

# SỰ ẢNH HƯỞNG CÁC NHÂN TỐ XÃ HỘI ĐẾN SỰ BIẾN ĐỔI THANH ĐIỀU CỦA CÁC CƯ DÂN NHẬP CỬ ĐẾN THÀNH PHỐ VINH

TS. PHAN XUÂN PHỒN\*

## 1. Vài nét về cư dân thành phố (TP) Vinh

TP. Vinh thuộc vùng kể Vang (hoặc kể Vinh ngày xưa); sau đó, lần lượt đổi thành Kể Vinh, Vinh Giang, Vinh Doanh, Vinh Thi; cuối cùng, tên chính thức của TP được rút gọn lại là Vinh và tồn tại mãi cho đến bây giờ. Chữ Vinh là gọi chệch từ chữ VỊnh. Có thể nói, trước sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế cũng như sự mở rộng về địa giới, cư dân TP. Vinh ngày càng tăng nhanh về số lượng. Theo điều tra của Cục dân số tỉnh Nghệ An, trong những năm qua; đặc biệt là gần mười năm trở lại đây, cư dân TP. Vinh tăng một cách đột biến và chủ yếu bằng hai con đường: tăng tự nhiên và tăng cơ học.

**Tăng tự nhiên:** việc tăng tự nhiên gồm 2 yếu tố sinh và tử. Tuy tỉ lệ sinh liên tục giảm từ nhiều năm nay nhưng do dân số tăng và tỉ lệ tử không nhiều biến động nên số lượng trẻ em sinh hàng năm không giảm.

**Tăng cơ học:** theo điều tra biến động dân số (điều tra mẫu do ngành Thống kê thực hiện), TP. Vinh có tỉ lệ tăng dân số cơ học hàng năm từ 7% - 8%. Với mức tăng này thì từ năm 1999 đến năm 2009, dân số TP. Vinh được ước tính khoảng 963 nghìn dân. Nhưng sau khi có kết quả sơ bộ của Tổng điều tra, có thể nhận xét là việc theo dõi biến động dân số tại TP. Vinh, Nghệ An lâu nay chưa đầy đủ mà trong đó chủ yếu là tăng dân số cơ học.

Trong kết cấu tăng cơ học, có một bộ phận dân cư phải di chuyển đi nơi khác theo những nhu cầu về cuộc sống, việc làm, học tập; đồng thời một số lượng lớn người từ các nơi khác chuyển về TP. Vinh để định cư, học tập, làm việc,... và số lượng dân cư đến thường nhiều hơn số lượng dân cư chuyển đi rất nhiều. Qua kì tổng điều tra 1/4/2012, số liệu dân cư là học sinh, sinh viên, công nhân, người lao động từ nơi khác đến tại TP để sinh sống, làm việc và phải thuê nhà trọ để ở là 79,4 nghìn người. Ngoài ra, ước tính có gần 13 nghìn người là học sinh, công nhân, người lao động sống trong các kí túc xá, khu tập thể, vạ đồ và các tàu, thuyền của ngư dân ngoài biển. Đây là một con số khá lớn mà các địa phương bấy lâu nay theo dõi không đầy đủ. Lí do: 1) Tính chất cư trú không ổn định của

các đối tượng này; 2) Chủ nhà trọ không khai báo; 3) Địa phương (phường/xã, tổ dân phố) không theo dõi hoặc không nắm rõ.

Tuy không phân tích rõ từng nhóm đối tượng cụ thể, nhưng số cư dân di cư từ ngoài TP chủ yếu vì 3 lí do là đi học, đến làm việc và do mở rộng về địa giới hành chính. Trong đó, số người đến để học tập là chính và ngày càng nhiều hơn, số liệu về sinh viên, học sinh (từ 15 tuổi trở lên) toàn TP tăng đều đặn và nhanh qua các năm cho thấy xu thế tăng trưởng này.

Năm	1997	2000	2005	2007	2009	2011	2013
Học sinh (%)	50,9	63,4	71,3	80,9	88,3	91,5	96,8

Dự báo đến năm 2015, trong một công trình dự báo dân số cho cả nước, TP. Vinh sẽ có khoảng từ 1 triệu - 1,3 triệu dân. Và căn cứ số liệu của dự báo trên thì số người nhập cư vào TP. Vinh ước tính trong 10 năm qua là trên 160 nghìn người. Điều này làm cho bộ mặt TP. Vinh có nhiều thay đổi, trong đó có ngôn ngữ.

## 2. Sự tiếp xúc giữa các tiếng địa phương ở TP. Vinh

Có thể khẳng định rằng: sự tiếp xúc giữa các phương ngữ ở Vinh đã xảy ra từ lâu. Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, thương mại hóa vùng Vinh đã làm thay đổi bộ mặt của một trung tâm đô thị thời quân chủ. Kéo theo đó là việc hình thành các tầng lớp mới, giai cấp mới trên địa bàn TP. Vinh như: công nhân, tư sản, tiểu tư sản trí thức, làm cho ngôn ngữ (nói và viết) của cộng đồng cư dân Vinh trở nên phong phú hơn, đa dạng hơn. Ngôn ngữ của cư dân bản địa tiếp xúc với nhiều phương ngữ của cả vùng Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì (tiếng Việt), thậm chí, Vinh còn là một trong những trung tâm đào tạo tiếng Pháp lớn nhất cả vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh - Bình và là nơi giao lưu giữa ngôn ngữ Việt - Lào, vì Vinh là cửa ngõ thông ra đại dương của Vương quốc Lào - trước Cách mạng tháng Tám.

Văn hóa - văn minh bản địa nói chung, ngôn ngữ nói riêng của cộng đồng cư dân TP. Vinh, hội nhập

\* Trường Đại học Vinh

với nhiều loại hình ngôn ngữ khác nhau, cùng song song tồn tại và phát triển, làm cho bức tranh ngôn ngữ (nói và viết) ở đây trở nên đa dạng, phức tạp và không kém phần sinh động mà từ trước tới nay chưa mấy ai quan tâm nghiên cứu cả trên phương diện sử học, xã hội học, dân tộc học và ngôn ngữ học.

Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa, thương mại hóa địa phương Vinh không chỉ dẫn đến việc ra đời của TP. Vinh mà còn làm cho bức tranh ngôn ngữ ở đây trở nên đa dạng, phong phú. Ngoài tiếng Bắc, tiếng Nghệ (tiếng Việt) được coi như ngôn ngữ truyền thống của dân tộc, trước Cách mạng tháng Tám, trên địa bàn TP. Vinh còn có cả tiếng Pháp, tiếng Lào, tiếng Ấn, tiếng Trung Quốc.

Trong tình thế lịch sử đặc biệt, đời sống văn hóa tinh thần và bức tranh ngôn ngữ của cộng đồng cư dân TP. Vinh hết sức đa dạng, phong phú. Tiếng Nghệ đan xen, hội nhập với nhiều phương ngữ khác và nhiều ngoại ngữ du nhập vào Vinh dần dần đẩy lùi tiếng Hán và trở thành ngôn ngữ thứ hai trong đời sống và trong giao tiếp.

Nhưng điều đặc biệt là tiếng Nghệ vẫn tồn tại, văn hóa - văn minh xứ Nghệ vẫn được bảo tồn và phát triển vượt qua vòng cương tỏa của chính quyền thuộc địa. Bảo tồn văn hóa, duy trì tiếng nói, chính là bảo tồn những di sản văn hóa tinh thần mà ông cha để lại. Đó chính là bài học mà cộng đồng cư dân TP. Vinh đã rút ra trong quá trình tiếp thu văn minh phương Tây và xem văn minh phương Tây như là công cụ, phương tiện để thực hiện sứ mệnh giải phóng dân tộc chứ không thể hòa tan được văn hóa, văn minh của dân tộc.

Như vậy, sự tiếp xúc của phương ngữ Vinh với các phương ngữ khác đã xảy ra từ những năm trước Cách mạng tháng Tám và ngày càng mạnh mẽ hơn. Đặc biệt, trong vài thập kỷ trở lại đây, xã hội Việt Nam chứng kiến sự biến động không ngừng về nhiều mặt, trong đó, cư dân là một trong những biến động mạnh mẽ nhất. Từ khi đất nước đổi mới, bước vào thời kỳ hội nhập, CNH, HĐH cũng là lúc tiến trình đô thị hóa bắt đầu. Những làn sóng di cư ồ ạt từ các vùng nông thôn đổ về các vùng đô thị ngày càng nhiều, tạo nên sự luân chuyển không ngừng trong cơ cấu dân cư. Bộ mặt đô thị thay đổi, cư dân các vùng tìm mọi cách thích nghi với môi trường sống mới tạo nên nhiều sự biến đổi về thói quen, tập tục, nếp sống... Sự biến đổi trong sử dụng lời nói để thích nghi với môi trường sống mới, bắt đầu nhận được sự quan tâm của giới nghiên cứu ngôn ngữ học hiện đại.

Trong những năm gần đây, với sự phát triển mạnh mẽ của nhiều trào lưu nghiên cứu mới trong ngôn

ngữ lấy lời nói làm trọng tâm, các nhà phương ngữ học và ngôn ngữ học xã hội cũng đã đẩy mạnh trong việc nghiên cứu ngôn từ và các biến thể của nó trong sự gắn kết chặt chẽ và chi phối mạnh mẽ đến các nhân tố xã hội liên quan đến người nói. Việc nghiên cứu phương ngữ theo hướng xã hội cũng tập trung sự chú ý nhiều hơn vào các phương ngữ thành thị, đặc biệt là các phương ngữ thành thị trong quá trình đô thị hóa và thực trạng chuyển cư đang diễn ra rất phổ biến và ngày càng nhiều do nhu cầu mở rộng địa giới, phát triển KT-XH, giao lưu, hội nhập.

### 3. Sự ảnh hưởng của các nhân tố xã hội

Cũng như sự biến đổi về phụ âm và vần, sự biến đổi về hệ thống thanh điệu của các cư dân nhập cư tới TP. Vinh đều chịu sự ảnh hưởng của các nhân tố xã hội cơ bản sau đây (chúng tôi sẽ xem tổng số cộng tác viên (CTV) ở mỗi nhóm là 100% để dễ quan sát tỉ lệ sử dụng các biến thể trong mỗi nhóm và để dễ so sánh với các nhóm còn lại).

**1) Giới tính.** Quan sát kết quả phân tích định lượng (bảng 1):

Bảng 1. Tương quan giữa giới với việc sử dụng các biến thể thanh điệu

Giới tính	Các biến thể của 5 thanh điệu			Tổng số
	0	1	Các dạng biến thể khác	
Nam	8,6	38,2	53,2	100,0%
Nữ	36,2	18,3	45,5	100,0%

$$0,001 < p < 0,09$$

(Chú thích: - Thống kê trên là giá trị trung bình cộng của cả 5 thanh, gồm: + Số CTV sử dụng cả hai loại biến thể trong lời nói tự nhiên; + Số CTV sử dụng biến thể trung gian; p là độ khác biệt có ý nghĩa thống kê).

Các kết quả phân tích định lượng cho thấy sự khác biệt trong sử dụng các biến thể địa tiếng Vinh giữa nam và nữ là có thật, biến thể địa phương trong tiếng Vinh ở nữ thường cao hơn tỉ lệ nam tương ứng. Tỉ lệ sử dụng các biến thể trung gian hay cả hai loại biến thể của cùng một biến ngôn ngữ của nữ cũng cao hơn nam.

**2) Tuổi tác.** Kết quả phân tích định lượng đối với các cư dân trong việc sử dụng các biến thể của thanh điệu ở các độ tuổi như sau (bảng 2):

Bảng 2. Tương quan giữa tuổi với việc sử dụng các biến thể thanh điệu

Tuổi	Các biến thể của 5 thanh điệu			Tổng số
	0	1	Các dạng biến thể khác	
10 - 15	10,2	36,3	53,5	100,0%
16 - 30	26,8	15,6	57,6	100,0%
31 - 50	48,6	14,3	37,1	100,0%
51 - 70	13,2	25,7	61,1	100,0%

$$0,023 < p < 0,28$$

(Chú thích: - (\*) Bao gồm: + Số CTV sử dụng cả hai loại biến thể trong lời nói tự nhiên; + Số CTV sử dụng biến thể trung gian; - Thống kê trên là giá trị trung bình cộng của 5 thanh).

Kết quả trên đây không biểu hiện một tính quy luật đặc biệt nào. Chỉ số (p) cũng cho thấy các giá trị này có mức đáng kể về thống kê không cao, tuy vẫn có sự khác biệt. Nếu chỉ làm một phép so sánh giản đơn giữa các nhóm tuổi thì có thể thấy tỉ lệ sử dụng các biến thể tiếng Vinh có xu hướng tăng dần từ thấp đến cao và sự thích nghi ở lứa tuổi trung niên (31 - 50 tuổi) đạt được mức cao nhất. Tỉ lệ sử dụng biến thể trung gian so với các biến thể khác cùng nhóm cũng cao hơn ở các nhóm tuổi còn lại.

Trong quá trình điều tra, chúng tôi nhận thấy, cho dù thế hệ trẻ vào thời điểm hiện tại thay đổi ít hơn thế hệ già cũng vào thời điểm này nhưng tiềm năng biến đổi của thế hệ trẻ rất là lớn (bảng 3).

Bảng 3. Tương quan giữa tuổi đến Vinh với việc sử dụng các biến thể thanh điệu

Tuổi đến Vinh	Các biến thể của 5 thanh điệu			Tổng số
	0	1	Các dạng biến thể khác	
10 - 20 tuổi	28,2	20,6	51,2	100,0%
21 - 30 tuổi	18,3	26,5	55,2	100,0%
30 - 40 tuổi	0	62,3	37,7	100,0%

$$0,038 < p < 0,08$$

(Chú thích: (\*) Bao gồm: + Số CTV sử dụng cả hai loại biến thể trong lời nói tự nhiên; + Số CTV sử dụng biến thể trung gian; Thống kê trên là giá trị trung bình cộng của 5 thanh).

Kết quả cho thấy tuổi càng trẻ thì khả năng thích ứng càng mạnh và ngược lại.

**3) Thời gian định cư tại Vinh.** Qua khảo sát, phân tích, chúng tôi thấy, thời gian định cư cũng là một trong những yếu tố có ảnh hưởng rất lớn đến sự biến đổi thanh điệu. Cụ thể (bảng 4):

Bảng 4. Tương quan giữa thời gian định cư tại Vinh với việc sử dụng các biến thể thanh điệu

Thời gian ở Vinh (năm)	Các biến thể của 5 thanh điệu			Tổng số
	0	1	Các dạng biến thể khác (**)	
5 - 15	9,9	55,2	34,9	100,0%
16 - 25	26,8	25,2	48,0	100,0%
26 - 35	43,7	18,3	38,0	100,0%
36 - 55	19,1	25,3	55,6	100,0%

$$0,033 < p < 0,049$$

Nhìn vào kết quả bảng 4, có thể đưa ra một số nhận định sau đây: Một người nhập cư có tuổi đời còn trẻ (thành niên) mới đến Vinh thì không thể có thời gian sống ở Vinh dài, cũng vậy, một người nhập cư có thời gian sống ở Vinh đã rất dài thì đương nhiên cũng

không còn trẻ nữa. Xu hướng tăng dần của các chỉ số ở biến thể (0) và giảm dần của các chỉ số ở biến thể (1) từ nhóm 5-15 năm đến nhóm 26-35 năm là tất yếu vì cùng với thời gian định cư ở Vinh càng lâu thì kết quả thích ứng càng rõ. Còn hiện tượng giảm đột ngột tỉ lệ sử dụng biến thể (0) ở nhóm 36-55 năm, chính là sự bảo thủ của lớp người già nói chung và cũng là biểu hiện của tâm lí hoài cổ muốn tìm về với cội nguồn không muốn thay đổi.

**4) Trình độ văn hóa.** Đây là một trong những yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến sự biến đổi thanh điệu của các cư dân nhập cư đến Vinh. Cụ thể (bảng 5):

Bảng 5. Tương quan giữa trình độ văn hóa với việc sử dụng các biến thể thanh điệu

Trình độ	Biến thể (0)	Biến thể (1)	Biến thể (2)	Tổng
Đại học +	30,3	8,6	61,1	100,0%
Đại học -	23,3	26,1	50,6	100,0%

$$p < 0,06$$

Kết quả thống kê bảng 5 cho thấy, những người có bậc học văn từ đại học trở lên dùng những biến thể thanh điệu với tỉ lệ hạn chế (8,6%); trái lại, với tỉ lệ này ở nhóm có trình độ dưới đại học cao hơn rất nhiều (26,1%), còn tỉ lệ sử dụng các biến thể Vinh và trung gian ở nhóm có trình độ đại học trở lên cũng cao hơn hẳn nhóm còn lại.

#### 4. Một vài kết luận

1) Với những kết quả mà chúng tôi vừa phân tích trên biểu hiện một sự biến đổi rất rõ rệt, thậm chí rất mạnh mẽ. Khuynh hướng chuyển dùng từ các biến thể địa phương khác sang dùng các biến thể trung gian và các biến thể địa phương Vinh của các cư dân nhập cư là một khuynh hướng khá mạnh.

2) Khuynh hướng trên đây không thể hiện sự giống nhau ở các thanh điệu khác nhau. Có thanh điệu thể hiện mạnh hơn và cũng có thanh điệu thể hiện yếu hơn, điều này phụ thuộc vào đặc điểm và bản chất ngữ âm của từng thanh điệu cũng như đặc điểm của hai biến thể địa phương Vinh.

3) Sự biến đổi cũng thể hiện rất khác nhau ở các phong cách ngôn ngữ khác nhau. Điều này chứng tỏ sự lưu tâm của chủ thể giao tiếp có ảnh hưởng rất mạnh đến những sản phẩm ngôn ngữ khi giao tiếp. Như vậy, từ góc độ phong cách và liên quan đến nó là vấn đề chuyển mã trong quá trình sử dụng.

4) Ảnh hưởng đến sự biến đổi trên đây là hàng loạt những nhân tố xã hội, tâm lí khác nhau của chủ thể giao tiếp như giới tính, tuổi đời, thời gian định cư ở

(Xem tiếp trang 47)

HS tự ôn tập, củng cố kiến thức trên lớp và ở nhà; hướng dẫn HS biết tự kiểm tra, đánh giá... (6).

**6) GD tình cảm tự nhiên, không gò bó, gượng ép.** Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm tới việc "bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau". Bộ môn LS ở trường phổ thông có ưu thế trong việc GD thế hệ trẻ. Để công tác này có hiệu quả, chúng ta cần vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh về GD thông qua các hoạt động: - Sử dụng tài liệu sinh động, cụ thể về người thật, việc thật trong LS để GD HS; - GD HS thông qua ngôn ngữ và thái độ của thầy cô giáo.

Như vậy, biện pháp vận dụng quan điểm Hồ Chí Minh về GD rất đa dạng. Tuy nhiên, để có hiệu quả, cần bảo đảm các yêu cầu về tính khoa học, tính tư tưởng và tính sư phạm trong DH...

\*\*\*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về GD là di sản vô cùng quý báu của Đảng và nhân dân ta; là kim chỉ nam định hướng xây dựng, phát triển nền GD ở nước ta. Ngày nay, trong điều kiện mới, việc nghiên cứu, học tập tư tưởng của Người để vận dụng vào GD-ĐT nguồn nhân lực tương lai nói chung, DH các bộ môn, trong đó có môn LS ở trường phổ thông là điều cần thiết. Tuy nhiên, để thực hiện có hiệu quả, GV cần nắm vững quan điểm GD của Người, chuyên môn LS và lí luận DH bộ môn. □

(1) Hồ Chí Minh. **Toàn tập**, tập 3. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2011.

(2) Hồ Chí Minh. **Toàn tập**, tập 13. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2011.

(3) Hồ Chí Minh. **Toàn tập**, tập 8. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2011.

(4) Hồ Chí Minh. **Toàn tập**, tập 5. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2011.

(5) Hồ Chí Minh. **Toàn tập**, tập 10. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2011.

(6) Hồ Chí Minh. **Toàn tập**, tập 6. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2011.

(7) Hồ Chí Minh. **Toàn tập**, tập 12. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2011.

#### SUMMARY

*President Ho Chi Minh is not only a great teacher, organizer of Vietnam's revolutionary leader, but also a great educator, birth education revolution in our country. Ho Chi Minh Thought on education is a huge issue, covering the target object, the principle of philosophy of education; content and methods of education... Thus, the application of Ho Chi Minh views on education in general and teaching History teaching in particular the problem has practical significance to improve the quality of teaching department today. This article desire to add some comments on this issue.*

## Sự ảnh hưởng các nhân tố xã hội...

(Tiếp theo trang 40)

Vinh, rồi trình độ văn hóa, khả năng ngoại ngữ, mô hình hôn nhân... Mức độ ảnh hưởng của những nhân tố này không giống nhau, có nhân tố không ảnh hưởng quyết định, có nhân tố có ảnh hưởng quan trọng và cũng có những nhân tố không ảnh hưởng quyết định nhưng góp phần tạo nên kết quả biến đổi. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Ái. **Từ những thực tế phương ngữ, nhìn về vấn đề giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ.** NXB Khoa học xã hội, H. 1998.

2. Hoàng Văn An. **Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt về mặt từ ngữ**, tập 1. NXB Khoa học xã hội, H. 1981.

3. Hoàng Trọng Canh. **Nghiên cứu đặc điểm lớp từ địa phương Nghệ Tĩnh.** Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học xã hội nhân văn, 2001.

4. Hoàng Thị Châu. "Vài nét về sự thay đổi ngữ âm tiếng Việt trong nông thôn hiện nay (qua kết quả

điều tra thổ ngữ ở Vinh Linh và Thái Bình)". Tạp chí Ngôn ngữ, số 4, 1972.

5. Trịnh Cẩm Lan. "Sự tiếp xúc giữa các phương ngữ ở Hà Nội". Tạp chí Ngôn ngữ, số 7, 2002.

6. Trịnh Cẩm Lan. "Một số vấn đề về phương ngữ thành thị dưới góc nhìn của phương ngữ địa - xã hội". Tạp chí Ngôn ngữ, số 1, tr39-50.

7. Trịnh Cẩm Lan. **Nghiên cứu sự biến đổi và bảo lưu ngôn từ của các cộng đồng cư dân từ các phương ngữ khác đến Hà Nội.** Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, 2005.

#### SUMMARY

*Vinh city today influenced greatly flourished before the economy as well as the expansion of the boundaries, city residents. Vinh is rapidly growing in number. Therefore, the process of urbanization has made the language here has become more diverse and abundant. The tone variation is the result of economic factors - geography - Social create. The paper analyzes the factors affecting change the tone of immigrants to the city of Vinh.*